Bộ Xây dựng
15-06-2023
17:15:16 +07:00

BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 208 /GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2023*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần Kinh doanh Xây dựng Tín Thành và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 07/06/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần Kinh doanh Xây dựng Tín Thành

Địa chỉ: Lô B3 Khu quy hoạch Vỹ Dạ 10, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mã số thuế: **3301612675**

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Kiểm định và Thí nghiệm xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Lô B3 Khu quy hoạch Vỹ Dạ 10, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 13**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 543/GCN-BXD ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Công ty CP Kinh doanh Xây dựng Tín Thành;
- SXD tỉnh Thừa Thiên-Huế;
- TT Thông tin *(website)*;
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 13

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 208 /GCN-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2023)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
1	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG, CLINKE**	
	Độ mịn, Khối lượng riêng	TCVN 4030-2003; AASHTO T128, T133; ASTM C184, C188
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; AASHTO T129, T133; ASTM C109, C187, C191
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; AASHTO T106
	Xác định độ nở Sunphát	TCVN 6068:2020; ASTM C452, C1038
	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005; ASTM C186; EN 196-8
	Xác định độ co khô của vữa	TCVN 8824:2011; ASTM C596
	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012; ASTM C185; AASHTO T137
	Xác định độ đông cứng sớm bằng dụng cụ Vicat	TCVN 10653:2015; ASTM C266
	Xác định khả năng giữ nước của xi măng	TCVN 9202:2012
	Xác định chỉ số hoạt tính, hệ số nghiền, cỡ hạt và độ ẩm của Clinke xi măng	TCVN 7024:2013; ASTM D2434
2	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG, VỮA VÀ ĐÁ GỐC**	
	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27; ASTM C136; JIS A1102; EN 933-1
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84; T85; ASTM C127, C128; JIS A1109; A1110
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006, TCVN 10322:2014; AASHTO T84, T85; ASTM C127
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; AASHTO T19
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006, TCVN 10321:2014; AASHTO T255; ASTM C566; JIS A1125
	Xác định hàm lượng bùn, bụi sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T11, T112; ASTM C142
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; AASHTO T21; ASTM C40; JIS A1105
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C170, D2938; JIS M0302
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; BS 812-110
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T96; JIS A1121 ASTM C131, C535; AASHTO T96, T327;

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791; AASHTO T335
	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C227; JIS A1146
	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; EN 1744-1,5
	Xác định hàm lượng sunphat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; JIS A1126
	Xác định hàm lượng bị dập vỡ	TCVN 7572-18:2006
	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C129; AASHTO T113; JIS A1141; EN 1744-1
	Xác định thành phần hạt, khối lượng thể tích, độ bền xi lanh, khối lượng mất khi đun sôi, độ hút nước, độ ẩm cốt liệu cho bê tông nhẹ	TCVN 6221:1997
	Xác định hàm lượng vỏ sò trong cốt liệu	EN 933-7
	Xác định độ ổn định thể tích cốt liệu trong môi trường Sunphat	ASTM C88; AASHTO 104
	Xác định hệ số ES	ASTM D2419; AASHTO T176
	Xác định mô đun đàn hồi đá nguyên khai	TCVN 5726:1993
	Xác định mô đun đàn hồi và hệ số nở ngang	ASTM D3148
	Xác định cường độ kháng kéo: Phương pháp bửa	ASTM D3067
	Xác định độ trượt do mài mòn	ASTM D3319; AASHTO T279
3	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119; EN 12350-2; JIS A1101
	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; AASHTO T121; ASTM C138; EN 12350-6; JIS A1116
	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022; ASTM C1170; EN 12350-3
	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109:2022; JIS A1123; ASTM C232; AASHTO T158; EN 12350-4; EN 480-4
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:2022; AASHTO T152; ASTM C173, C231, C233; EN 480-4
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước và chỉ số rỗng của bê tông	TCVN 3112:2022; TCVN 3113:2022; TCVN 3115:2022; ASTM C642, C1585; EN 12390-7; BS 1881-P.208, BS 1881-P.122
	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:2022; ASTM C779, C944; EN 13892-3
	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:2022
	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:2022
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39; AASHTO T22, T140; EN 12390-3, EN 12504-1; JIS A1108, A1107; AS 1012.9
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; TCVN 12393:2018; ASTM C293, C78, C1609; EN 12390-5; JIS A1114, A1106; AASHTO T97, T177

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định giới hạn bền dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022; TCVN 8862:2011 AASHTO T198; EN 12390-6; JIS A1113
	Xác định cường độ lăng trụ, môđun đàn hồi và hệ số poisson	TCVN 5726:2022; ASTM C469; JIS A1127, A1149
	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020; ASTM C42 AASHTO T24; JIS A1107; A1108
	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340: 2012
	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
	Xác định độ lan chảy xòe của hỗn hợp bê tông	ASTM C1611; EN 12350-5; JIS A1129
	Xác định hệ số thấm và chiều sâu thấm của bê tông	TCVN 8219:2009; DIN 1048; ASTM C1585; EN 12390-8
	Xác định độ chảy của hỗn hợp bê tông từ đầm	TCVN 12209:2018; EN 12350- Part 8, 9,10, 11, 12; ASTM C1621
	Hệ bảo vệ bề mặt bê tông: Xác định cường độ, co ngót, độ chịu mài mòn, hệ số giãn nở nhiệt, bám dính, khả năng hàn gắn vết nứt, độ kháng trượt, độ sâu thâm nhập, độ hút nước, tốc độ khô.	TCVN 11839:2017; TCVN 11974:2016
	Độ xòe, độ nở, độ tách nước cường độ nén, độ giãn nở của bê tông chịu nhiệt	YB/T 4252, GB/T 50448
	Hàm lượng Ion CL trong bê tông	TCVN 7572-15:2006
	Hàm lượng sunphat trong bê tông	TCVN 9336:2012
	Xác định hệ số khuếch tán clorua biểu kiến theo chiều sâu khuếch tán	TCVN 9492:2012
4	**VỮA VÀ CHẤT KẾT DÍNH**	
	Hỗn hợp vữa: Xác định kích thước hạt cốt liệu; độ lưu động; độ chảy; khối lượng thể tích; thời gian đông kết; độ tách nước; độ nở.	TCVN 3121:2022; ASTM C230, C1437, C807, C953, C1437; C1218; EN 1015, 445
	Vữa đã đóng rắn: Xác định khối lượng thể tích, cường độ uốn và nén, độ bám dính, độ hút nước, hàm lượng Clo hòa tan trong nước.	TCVN 3121:2022; TCVN 4459:1987 ASTM C348, C349, C942, C1403, C1583; EN 445; EN 1015; BS EN 12190; EN 13892
	Vữa xi măng trộn sẵn không co: Độ chảy, độ tách nước, độ trương nở; thay đổi chiều cao cột vữa khi đông kết	TCVN 9204:2012
	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất, độ lưu động, khả năng giữ độ lưu động, thời gian đông kết, thời gian điều chỉnh, hàm lượng clo hòa tan trong nước, cường độ nén, độ bám dính và độ hút nước.	TCVN 9028:2011
	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Lượng vón cục trên sàng, độ chảy, độ tách nước, độ thay đổi thể tích sau 24h, thời gian đông kết, cường độ chịu nén.	TCVN 11971:2018; ASTM C939, C940 EN 447
	Vữa, keo chít mạch và dán gạch: Xác định thời gian mở, độ trượt, cường độ bám dính khi cắt, khi kéo, biến dạng ngang, độ bền hóa, cường độ uốn và nén, độ hút nước, độ co ngót, độ mài mòn.	TCVN 7899:2008

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Vữa và bê tông chịu axit: Xác định cỡ hạt, độ chịu axit, thời gian công tác, độ bám dính, độ hút nước, cường độ nén, độ co, hệ số bền axit	TCVN 9034 :2011; TCVN 8001 :2008; TCVN 9034 :2011
	Vữa bền hóa gốc Polime: Xác định độ bền kéo, độ bền nén, độ bám dính, thời gian công tác, độ co dài và hệ số giãn nở nhiệt, Độ hấp thụ nước, độ bền hóa.	TCVN 9080:2012
	Hệ chất kết dính Epoxy và chất dính kết: Xác định độ nhớt, độ chảy xệ, thời gian tạo gel, cường độ dính kết và liên kết, độ hấp thụ nước, nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng, khả năng thích ứng nhiệt, hệ số co ngót, cường độ nén và mô đun đàn hồi khi nén ở điểm chảy, cường độ kéo và độ gián dài khi đứt, cường độ bám dính, độ phụ hồi, bám dính.	TCVN 7952:2009; ASTM D 2393, C881, C882, D570; D648, C884, D2566; D695; D638; C1404; C1042; C736; D1633
	Bột bả tường: Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính với nền, độ bền nước	TCVN 7239:2014
5	**ĐẤT TRONG PHÒNG**	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100
	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012; AASHTO T265
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89, T90
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; AASHTO T236
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; AASHTO T216
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 8730:2012 TCVN 12790:2020; AASHTO T99, T180
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; AASHTO T204
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO T193
	Xác định đặc trưng hệ số thấm K	TCN 8723:2012; ASTM D2434; AASHTO T215
	Xác định sức chống cắt của đất bằng phương pháp cắt cánh	TCVN 8725:2012
	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU,CU,CC)	TCVN 8868:2011; ASTM D4767
	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166
	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
	Xác định đặc trưng co ngót của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720:2012
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất, nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012
	Xác định đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
	Đá xây dựng. Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10321:2014

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Đá xây dựng. Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10322:2014
	Đá xây dựng. Phương pháp xác định độ bền cắt trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10323:2014
	Đá xây dựng. Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10324:2014
6	**VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN, CÁP DỰ ỨNG LỰC**	
	Thử kéo vật liệu kim loại kim loại	TCVN 197:2014; TCVN 7937:2013; ASTM B 557; JIS Z2241; GB/T 228
	Thử uốn kim loại	TCVN 198:2008
	Mối hàn trên vật liệu kim loại: Thử uốn; Thử kéo ngang; Thử kéo dọc	TCVN 5401:2010, TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010
	Thử nghiệm kéo, uốn, cắt mối hàn chữ thập của lưới thép hàn	TCVN 9391:2012
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật bên ngoài, kiểm tra không pháp hủy bằng siêu âm của mối hàn và liên kết hàn	TCVN 6735:2018; ASTM E164, E165, E709, E1444; JIS Z3060; EN 1714-A2; EN 571; ISO 9934, ISO 17640, ISO 3452; ISO 17637
	Kiểm tra không pháp hủy bằng thẩm thấu của mối hàn và liên kết hàn	TCVN 4617:2018
	Kiểm kiểm tra không phá hủy bằng bột từ của mối hàn và liên kết hàn	TCVN 4396:2018
	Khối lượng lớp phủ, chiều dày lớp phủ, độ bám dính lớp phủ - Phương pháp cắt của lớp phủ bề mặt kim loại	TCVN 7665:2007; TCVN 5878:2007 TCVN 2097:2015; ASTM A90, E376, B244; D6677; D3359; JIS H0401 ISO 1461; ISO 2178; ISO 2409
	Thử nghiệm cơ tính mối nối ống ren (coupler)	TCVN 8163:2009
	Thử nghiệm bu lông: - Thử kéo, đứt bulông; Kiểm tra khuyết tật; Xác định hệ số mômen xiết K; Thử đứt gẫy trên vòng đệm vát	ASTM A370; TCVN 1916:1995 22TCN 204:93
	Thử nghiệm mỏi vật liệu: Độ dai va đập	ASTM A416
	Thử nén bẹp ống kim loại	TCVN 1830:2008
	Vật liệu kim loại - Thử độ cứng Brinell, Rockwell, Vicker	TCVN 256-1:2006; TCVN 257-1:2007 TCVN 258-1:2007; ASTM A370; ASTM A240
	Thử cáp thép, thanh thép cường độ cao (Cường độ, độ giãn dài, độ tụ neo, môđun đàn hồi)	ASTM A370; JIS Z2241
	Thử kéo nguyên sợi đơn, các sợi nhỏ thép cốt bê tông dự ứng lực	TCVN 6284:1997
	Phương pháp xác định tải trọng phá hỏng dây cáp thông dụng	TCVN 6368:1998
	Thử kéo đồng bộ khả năng làm việc của thép thanh dự ứng lực	TCVN 11243:2016
	Tao cáp dự ứng lực - Phương pháp xác định độ tự chùng ứng suất khi kéo	TCVN 10270:2014; ASTM E328
	Thử khả năng làm việc đồng bộ neo và cáp dự ứng lực trước: Kích thước hình học; Độ tụt neo và hiệu suất neo)	22TCN 247:2000; ASTM A370; ASTM F606; JIS B1186 BS EN 13391

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Thử nghiệm khả năng chịu tải nắp hố ga, song chắn rác	TCVN 10333-3:2014
7	**THỬ NGHIỆM NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM – THANH PROFILE PVC-U**	
	Xác định giới hạn bền kéo, giới hạn chảy 0,2%, độ giãn dài, sai lệch kích thước và hình dạng	TCVN 12513-2÷6:2018
	Xác định độ cứng Shore D	ISO 7619-1
	Xác định độ võng, khối lượng thanh chính profile	BS EN 12608
	Thử đồng bộ cửa sổ và cửa đi bằng khung nhựa lõi cứng U-PVC, cửa gỗ và cửa kim loại	TCVN 7451:2004, TCVN 9366-1:2012, TCVN 9366-2:2004
8	**GẠCH, NGÓI VÀ KHỐI XÂY**	
	Gạch xây: Xác định kích thước và khuyết tật; cường độ nén, uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ rỗng; độ tróc do vôi; độ thoát muối.	TCVN 6355:2009; ASTM C67; AASHTO T32
	Gạch bê tông: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén và độ hút nước; độ rỗng; độ thấm nước; co ngót khô.	TCVN 6477:2016; ASTM C140, C426
	Gạch bê tông tự chèn: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn.	TCVN 6476:1999
	Gạch Terazo: Hình dạng và kích thước; độ hút nước bề mặt; Độ bền uốn; độ mài mòn; độ bền thời tiết.	TCVN 7744:2013
	Gạch bê tông nhẹ: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; khối lượng thể tích khô; độ co ngót khô; độ hút nước; khả năng chống đóng và tan băng.	TCVN 9030:2017
	Gạch lát nền: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn; độ hút nước; Lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt.	TCVN 6065:1995
	Gạch lát Granito: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn; độ chịu lực va đập xung kích; độ cứng lớp mặt.	TCVN 6074:1995
	Gạch ốp lát: Kích thước và chất lượng bề mặt; độ hút nước; độ xốp biểu kiến; khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích; độ bền uốn; độ bền va đập bằng đo hệ số phản hồi; độ bền mài mòn sâu; độ bền mài mòn bề mặt; hệ số giãn nở nhiệt dài; độ bền sốc nhiệt; hệ số giãn nở ẩm; độ bền rạn men; độ bền băng giá; độ bền hoá học; độ bền chống bám bẩn; độ thôi chì và cadimi; độ khác biệt nhỏ về màu; hệ số ma sát; độ cứng bề mặt theo thang Mohs.	TCVN 6415:2016
	Ngói tráng men và ngói xi măng cát: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; tải trọng uốn gãy; độ hút nước; thời gian xuyên nước; khối lượng 1m^2 ngói bão hoà nướC	TCVN 1452:2004, TCVN 7195:2002, TCVN 1453:1986, TCVN 9133:2011, TCVN 4313:1995

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Đá ốp lát tự nhiên và nhân tạo: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ bền uốn; Độ cứng bề mặt; Độ vuông góc; Độ phẳng	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
	Sứ vệ sinh: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước; Độ bền nhiệt; Độ bền rạn men; Độ cứng bề mặt men; Xác định độ thấm mực; Xác định khả năng chịu tải sản phẩm; Xác định khả năng làm sạch; Khả năng chống xước; Xác định độ xả nước của chậu rửa; Bệ xí, Bồn tiểu; Xác định sự rò rỉ nước	TCVN 5436:2006; TCVN 12647:2020 TCVN 12648:2020; TCVN 12649:2020; TCVN 12650:2020; TCVN 12651:2020; TCVN 12652:2020
9	**BÊ TÔNG NHỰA VÀ NHỰA ĐƯỜNG**	
	Bê tông nhựa: Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết; Thành phần hạt; Tỷ trọng rời lớn nhất; Khối lượng riêng ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích bê tông nhựa đã đầm nén; Độ chảy nhựa; Độ góc cạnh của cát; Độ chặt lu lèn; Độ rỗng dư; Độ rỗng cốt liệu; độ rỗng lấp đầy nhựa; độ ổn định còn lại;	TCVN 8860:2011; AASHTO T27; T164; T166; T209; T 230; T245; T269
	Phương pháp thí nghiệm vệt hằn bánh xe bằng thiết bị Hamburg của hỗn hợp nhựa đầm chặt.	AASHTO T324
	Phương pháp thí nghiệm kéo gián tiếp để xác định mô đun đàn hồi của hỗn hợp nhựa.	ASTM D4123
	Bê tông nhựa - Phương pháp xác định độ hao mòn Cantabro	TCVN 11415:2016
	Bê tông nhựa rỗng thoát nước – Thử nghiệm thấm nước. Trong phòng và hiện trường	TCVN 11634:2017
	Nhựa Bitum: Xác định độ kim lún ở 25^0C; Xác định độ kéo dài ở 25^0C; Xác định điểm hoá mềm; Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy; Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt; Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen; Xác định khối lượng riêng ở 25^0C; Xác định độ nhớt động học; Xác định hàm lượng Paraphin; Xác định độ dính bám với đá; Xác định lão hoá nhựa (Thin Film Oven)	TCVN 7495:2005, TCVN 7496:2005, TCVN 7497:2005, TCVN 7498:2005, TCVN 7499:2005, TCVN 7500:2005, TCVN 7501:2005, TCVN 7502:2005, TCVN 7503:2005, TCVN 7504:2005, TCVN 11711:2017; AASHTO T44, T47, T48, T49, T51, T53, T240, T182
	Xác định độ đàn hồi, độ ổn định lưu trữ và độ nhớt kế Brookfield của Bitum	TCVN 11194:2017, TCVN 11195:2017, TCVN 11196:2017
	Nhủ tương, nhựa đường gốc axít: Xác định độ nhớt Saybolt Furol; Độ lắng, độ ổn định lưu trữ; Xác định lượng hạt quá cỡ; Xác định điện tích hạt; Độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn với xi măng; Độ dính bám và tính chịu nước; Xác định chưng cất; Xác định bay hơi; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích nhanh; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích chậm; khả năng trộn lẫn với nước; Khối lượng thể tích; Độ dính bám với cốt liệu.	TCVN 8817-1÷15:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Nhựa đường lỏng: Xác định nhiệt độ bắt lửa; Xác định hàm lượng nước; Thử nghiệm chưng cất; Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-1÷5:2011
	Bột khoáng trong bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt; Độ ẩm; Hệ số thích nước; Chỉ số dẻo; Khối lượng riêng; Độ trương nở; Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020; TCVN 4197:2012; TCVN 8735:2012 22TCN 58-1984
10	**BENTONIT, POLYMER**	
	Xác định khối lượng riêng; Xác định độ nhớt; Xác định hàm lượng cát; Xác định tỷ lệ chất keo; Xác định lượng mất nước; Xác định độ dày của áo sét; Xác định lực cắt tĩnh; Xác định tính ổn định; Xác định độ pH.	TCVN 11893:2017
	Xác định độ bền gel và tỷ số YP/PV	TCVN 13068:2020
11	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012
	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
	Phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường (PP rót cát và PP dao đai)	TCVN 8730:2012; 22TCN 346: 2006 AASHTO T204, T191
	Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950
	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
	Xác định mô đun đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695, AASHTO T256
	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
	Xác định độ nhám mặt đường bằng con lắc Anh	TCVN 10271:2014; AASHTO T278
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 335:2006; ASTM D2573
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586
	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586; ASTM D6951
	Thí nghiệm xuyên tĩnh CPT và CPTu	TCVN 9352:2012; TCVN 9846:2013
	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429
	Xác định độ thấm nước của đất bằng đổ nước hố đào, hố khoan	TCVN 8731:2012
	Xác định hệ số thấm đất đá bằng phương pháp hút nước thí nghiệm	TCVN 9148:2012
	Xác định hệ số thấm đất đá bằng phương pháp ép nước lỗ khoan	TCVN 9149:2012
	Đo áp lực nước lỗ rỗng	TCVN 8869:2011
	Quan trắc mực nước dưới đất	TCVN 8215:2009
	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143
	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
	Cọc - Kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Cọc - Phương pháp động biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016
	Thí nghiệm nén ngang cọc	ASTM D3966
	Thí nghiệm kéo nhổ cọc	ASTM D3989
	Thí nghiệm neo trong đất và neo trong đất theo công nghệ SEEE	TCVN 8870:2011
	Xác định Môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194
	Thí nghiệm nén ngang nền đất trong hố móng	ASTM D4719
	Xác định sức chịu tải đất nền	ASTM D4494
	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012; ASTM C805, C597
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
	Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536:2022
	Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022
	Phương pháp thí nghiệm gia tải đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cấu kiện bê tông	TCVN 9347:2012
	Thử áp lực ống	TCVN 2942:1993, TCVN 1832:2008
	Phương pháp điện thế kiểm tra khả năng bị ăn mòn của cốt thép	TCVN 9348:2012
	Xác định độ bám dính nền của lớp phủ mặt kết cấu	TCVN 9349:2012
	Xác định lực kéo nhổ, khả năng bám dính của thép với bê tông; bu lông neo	ASTM C900; EN 12504-3
	Xác định lực kéo nhổ của bê tông	TCVN 9490:2012
	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012; ASTM C635
	Thử tải cầu: Đo chuyển vị, Độ võng, ứng suất dọc kết cấu cầu	22TCN 170:1987
	Đo điện trở đất (phương pháp đo 3 cực)	TCVN 9385:2012
	Đo điện trở đất suất của đất (Phương pháp đo 4 cực)	ASTM G187; BS 5930, GB 50021
	Trắc địa công trình	TCVN 9398:2012
	Đo lún công trình bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
	Xác định độ nghiêng của nhà và công trình	TCVN 9400:2012
12	**CẤU KIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP**	
	Cọc bê tông ly tâm - Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước, độ bền uốn thân cọc, độ bền cắt thân cọc, độ bền uốn gãy thân cọc, độ bền uốn mối nối	TCVN 7888:2014

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước; Độ bền uốn nứt; Độ bền uốn gãy	TCVN 5847:2016
	Cọc ván cừ bê tông cốt thép dự ứng lực: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước; Độ bền uốn nứt; Độ bền uốn gãy	JIS A 5373
	Ống cống và cống hộp bê tông: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước và độ sai lệch kích thước; cống thấm nước; cờng độ bê tông; Khả năng chịu tải đốt cống.	TCVN 9113:2012 TCVN 9116:2012
	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn: Xác định kích thước; khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước; Độ bền va đập; Độ bền treo vật nặng; Độ cách âm.	TCVN 11524:2016
	Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép: kích thước; khuyết tật ngoại quan; khối lượng thể tích; Cường độ chịu nén; Cường độ chịu uốn; Độ ẩm, Độ co khô; Độ bảo vệ cốt thép chống ăn mòn; Độ bền va đập; Độ bền treo vật nặng;	TCVN 12868:2020
	Vật liệu làm sàn phẳng: Phương pháp thử. cường độ chịu uốn và chịu nén; độ chịu mài mòn Böhme; độ chịu mài mòn BCA; độ chịu mài mòn bánh xe lăn của vật liệu làm phẳng sàn chịu mài mòn; độ cứng bề mặt; độ chịu mài mòn bánh xe lăn; Cường bộ bám dính; Độ ổn định	TCVN 13480-1÷2:2021
13	**VẬT LIỆU GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH VÀ HỖN HỢP XI MĂNG ĐẤT**	
	Đất gia cố bằng chất kết dính với vôi xi măng	22TCN 59-1984
	Gia cố nền đất yếu – PP trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
	Xác định cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
	Xác định độ đầm chặt theo phương pháp khô và ướt	ASTM D559
	Xác định độ bền thời gian	ASTM D560
	Cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633
	Cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634
	Cường độ kháng uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D1635
14	**THỬ NGHIỆM SILICON XẢM KHE CHO KẾT CẤU XÂY DỰNG**	
	Silicon xảm khe: Độ chảy; Khả năng đùn chảy; Độ cứng Shore A; ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến sự tổn hao khối lượng, tạo vết nứt và phấn hóa; thời gian không dính bề mặt; cường độ bám dính.	TCVN 8267-1÷6:2009
15	**PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG**	
	Phụ gia hóa học: Xác định độ Ph; tỷ trọng; hàm lượng chất khô; khả năng giảm nước so với mẫu đối chứng; thời gian ninh kết so với mẫu đối	TCVN 8826:2011, TCVN 12588-2:2018; AASHTO M194; ASTM C494; EN 480; JIS A6204

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	chứng; cường độ nén, uốn so với mẫu đối chứng; ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở.	
	Phụ gia khoáng hoạt tính cho bê tông và vữa: Xác định độ mịn; khối lượng riêng; chỉ số hoạt tính; thành phần hoá học; khả năng chống ăn mòn sunfat thông qua thí nghiệm độ giãn nở của vữa, bê tông sử dụng phụ gia; độ ẩm; xác định độ mịn theo theo lượng sót trên sàng 45 µm; xác định lượng nước yêu cầu; hàm lượng ion Cl^-; lượng nước yêu cầu; độ giãn nở của xi măng trong thùng chưng áp (Auto clave).	TCVN 8827:2011, TCVN 8825:2011, TCVN 10302:2014, TCVN 13559:2022, TCVN 12300:2018, TCVN 12301:2018, TCVN 11586:2016; ASTM C311, C1240, D1644, C1017; EN 14277-4; BS EN 480
	Phụ gia khoáng cho xi măng: Chỉ số hoạt tính cường độ; thời gian kết thúc đông kết; độ bền nước; hàm lượng tạp chất bụi và sét của vữa vôi - phụ gia.	TCVN 6882:2016
16	**THỬ NGHIỆM BĂNG CHẮN NƯỚC PVC, TẤM CPE**	
	Xác định sai lệch kích thước; Xác định màu sắc, độ dày; khối lượng riêng; độ cứng Shore A; cường độ chịu kéo, độ giãn dài; tỷ lệ thay đổ khi lão hóa nhiệt; độ bền hóa chất; độ bền mối dán	TCVN 7756-2:2007; TCVN 9409-1÷5:2014; TCVN 4866:2007; TCVN 1595-1:2007; TCVN 4509:2006
17	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CAO SU, GỐI CẦU CAO SU, KHE CO GIÃN, KHỚI NỐI SUNCO, THANH TRƯƠNG NỞ**	
	Độ cứng Shore A	TCVN 1595-1:2007
	Cường độ chịu kéo, độ giãn dài	TCVN 4509:2006
	Tỷ lệ thay đổi khi lão hóa nhiệt	TCVN 9409-3:2014
	Xác định khả năng kháng nén	ASTM D395
	Xác định sức kháng ô zôn	ASTM D518
	Biến dạng nén dư; Độ bền kéo trượt; Mô đun trượt của cao su; hệ số trượt cao su bản thép	ASTM D395
	Xác định cường độ kết dính (kéo bóc)	TCVN 4867:2013
	Thanh trương nở: Xác định khối lượng riêng; Độ trương nở	TCVN 2752:2008; ASTM D71; ASTM D5890
18	**VẢI ĐỊA KỸ THUẬT - BẤC THẤM VÀ VỎ BỌC BẤC THẤM, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT, MÀNG CHỐNG THẤM**	
	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật; Lực xé rách hình thang; Lực xuyên thủng CBR; Lực kháng xuyên thủng thanh; Xác định áp lực kháng bục; Kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-1÷6:2011; ASTM D4636, D4533, D6241, D4833, D3786, D4751
	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009
	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8821:2009; ASTM D5261
	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010
	Sức chọc thủng bằng phương pháp côn rơi	TCVN 8484:2010
	Cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010
	Kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:2010
	Xác định độ xuyên thấm	TCVN 8487:2010
	Xác định cường độ chịu kéo mối nối	TCVN 9138:2012

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Hệ số ma sát giữ vải và đất	ASTM D5321
	Lưới địa kỹ thuật: Xác định cường độ chịu kéo, độ giãn dài; Trọng lượng đơn vị; kích thước mắt lưới	ASTM D6637
	Màng chống thấm HDPE: Xác định chiều dày; Khối lượng riêng; Chỉ số chảy dẻo; Cường độ chịu kéo; Sức kháng xé; Sức kháng thủng; Hàm lượng cacbon	ASTM D751, D1505, D1238, D638, D1004, D4833, D1603
19	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU DẠNG TẤM**	
	Tấm thạch cao: Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh; Độ cứng của cạnh, gờ và lõi; Cường độ chịu uốn; Độ khánh nhổ đinh; Độ biến dạng ẩm; Độ hút nước; Độ hấp thụ nước bề mặt; Độ thẩm thấu hơi nước.	TCVN 8257-1÷8:2009
	Thử tải hệ khung treo kim loại	TCVN 12694:2020; ASTM C635
	Tấm trải chống thấm Bitum: Tải trọng kéo đứt; Độ bền chọc thủng, Kháng va đập; Độ bền nhiệt; Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh.	TCVN 9067-1÷4:2012
	Tấm sợi xi măng, tấm canxi silicat: Xác định kích thước, độ bền cơ học; Khối lượng thể tích; Khối lượng trên m^2; Độ ẩm, kích thước; Độ cách nhiệt; Xác định cường độ chịu uốn, modun đàn hồi; Độ hút nướt; Độ xuyên nước; Độ bền nhiệt; Độ va đập; Độ co nung.	TCVN 8259-1÷9:2007; TCVN 7949:2008; TCVN 4435:2000; EN 15057; ISO 10904; ISO 8336; ISO 12572; ASTM C1185, C302, C303, C165
	Tấm tường nhẹ 3 lớp xen kẹp: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; Độ bền treo vật nặng; Độ bền va đập; Khối lượng thể tích khô; Cường độ nén; Độ dẫn nhiệt; Cường độ bám dính.	TCVN 12302:2018; TCVN 11524:2016; TCVN 9030:2017; TCVN 9349:2012
	Vật liệu xốp: xác định độ thấm hơi nước; độ dẫn nhiệt; Độ rão khi nén sau 48h ở 80^0C dưới tải trọng 20kPa; Độ rão khi nén sau 7 ngày ở 70^0C dưới tải trọng 40kPa	ISO 1923; ISO 1926; ISO 1663; ISO 8301; ISO 8302; ISO 7616; ISO 7850
	Vật liệu dán tường dạng cuộn - Xác định kích thước, độ thẳng, khả năng lau sạch, khả năng rửa.	TCVN 11897:2017; TCVN 11898:2017
20	**TẤM SÓNG PVC CỨNG**	
	Độ bền dạng sóng; Độ bền đối với tải trọng rơi; Độ bền đối với tải trọng tĩnh; độ truyền sáng, độ bền màu.	TCVN 5819:1994
21	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KÍNH XÂY DỰNG**	
	Xác định khuyết tật ngoại quan; Dung sai chiều dày kính; Độ cong vênh; Độ bền nhiệt, độ bền ẩm	TCVN 7219:2002; TCVN 7527:2005 TCVN 7364-6:2004
	Hoàn thiện cạnh; Độ bền nhiệt, độ bền ẩm	TCVN 7364-4:2004; TCVN 7364-5:2004
	Xác định ứng suất bề mặt	TCVN 8261:2009
	Xác định độ bền va đập con lắc, bi rơi	TCVN 7368:2004
	Xác định lượng mảnh vỡ khi tôi nhiệt	TCVN 7525:2005
	Xác định độ bền mài mòn	TCVN 7455:2004

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Xác định độ xuyên quang, độ phản quang	TCVN 7737:2007
	Xác định hệ số truyền nhiệt	TCVN 9505:2013
22	**ỐNG NHỰA PVC, PVC-U, PE, PPR, HDPE, VÀ CÁC PHỤ KIỆN**	
	Xác định kích thước, độ dày	TCVN 6145:2007
	Xác định độ bền kéo đứt, độ giãn dài	TCVN 7434:2004
	Xác định độ va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003
	Xác định độ bền áp suất bên trong ống	TCVN 6149:2007; TCVN 7305:2003
	Thử độ chịu nhiệt	ASTM D1525
	Xác định độ bền chịu nén, lực nén 60%, lực nén sát ống	TCVN 7997:2009
	Xác định độ biến dạng không vỡ; Độ bền nén tính uốn cong; hóa mềm vicat; Độ hấp thụ nước; Độ bền màu; Độ bền chịu ăn mòn hóa học; Khả năng khó cháy; Độ bền đánh thủng	TCVN 8699:2011
	Ống và phụ tùng ống nối bằng PVC: xác định tỷ trọng; Hệ số giãn nở nhiệt; Độ bền kép đứt; Nhiệt độ làm việc tối đa; Mô đun đàn hồi; Điểm mềm Vicat.	TCVN 6151-1:2002, TCVN 6151-2:2002, TCVN 6151-3:2002, TCVN 6151-4:2002, TCVN 6151-5:2002
23	**RỌ ĐÁ MẠ KẼM BỌC NHỰA PVC; THẢM ĐÁ**	
	Xác định kích thước mắt lưới	ASTM D975
	Xác định cường độ kéo đứt dây thép	ASTM A3703-6:2018
	Xác định khối lượng riêng nhựa PVC	ASTM D792
	Xác định độ cứng vỏ bọc PVC	ASTM D2240
	Xác định độ cứng dây đai	ASTM D2240
	Xác định mô đun đàn hồi	ASTM D412-2
24	**DÂY CÁP ĐIỆN, DÂY THÔNG TIN, ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN, THANG MÁNG CÁP**	
	Đường kính ruột dẫn, đường kính sợi đồng	TCVN 6610-1:2014
	Độ bền kéo và giãn dài khi đứt	TCVN 6614-11:2008
	Xác định chiều dày kích thước ngoài, đặc tính cơ, phương pháp lão hóa nhiệt, khối lượng riêng, hấp thụ nước; độ co ngót	TCVN 6614-1÷4:2008
	Xác định tính chất máng, ống luồn dây và phụ kiện: Kích thước ; Độ bền nén	BS EN 61386; BS EN 50085; IEC 61386
25	**GỖ VÁN TỰ NHIÊN VÀ NHÂN TẠO**	
	Gỗ tự nhiên: Xác định số vòng năm; Độ hút ẩm; Độ bền tách; Xác định độ ẩm khi thử cơ lý; Khối lượng thể tích; Độ bền uốn tĩnh; Mô đun đàn hồi uốn tĩnh; Giới hạn nén vuông góc với thớ; Ứng suất kéo song song với thớ; Ứng suất kéo vuông góc với thớ; Ứng suất cắt song song với thớ; Độ bền uốn va đập; Độ cứng va đập; độ cứng tĩnh; Độ co rút; Độ giãn nở; Độ giãn nở thể tích	TCVN 8045:2009, TCVN 8046:2009, TCVN 8047:2009, TCVN 8048:2009
	Gỗ dán và gỗ nhiều lớp (LVL) - Thử chất lượng dán dính.	TCVN 10572-1:2014; TCVN 8328-1:2010

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	Gỗ ghép thanh bằng keo: Phương pháp thử các tính chất cơ lý; Xác định độ bền trượt mạch keo; Thử tách mạch keo; tách mối nối bề mặt	TCVN 8574:2010
	Ván sàn gỗ nhân tạo: Xác định kích thước độ vuông góc và thẳng cạnh; Độ ẩm; Khối lượng thể tích; Độ trương nở chiều dày khi ngâm nước; Mô đun đàn hồi, Độ bền uốn khi uốn tĩnh; Độ kéo vuông góc với mặt ván; Độ bền ẩm; Chất lượng dán dính của ván gỗ dán; Độ bền bề mặt; Lực bám giữ đinh vít; Hàm lượng formaldehyt; Xác định khối lượng riêng	TCVN 7756:2007; TCVN 5694:2014
	Ván lát sàn nhiều lớp và loại đàn hồi: Xác định độ ấn lõm và vết lõm lưu; độ bền mài mòn; độ bền chịu tác động của bánh xe chân ghế; độ bền va đập; trương nở chiều dày sau khi ngâm một phần trong nước; - Xác định sự thay đổi kích thước sau khi phơi nhiễm trong điều kiện khô và ẩm; Xác định độ bền mối ghép nối cơ học	TCVN 11944: 2018; TCVN 11947: 2018; TCVN 11948: 2018; TCVN 11949: 2018; TCVN 11950: 2018; TCVN 11951: 2018; TCVN 11952:2018
	Thảm trải sàn Laminate, Thảm sàn poly vinyl clorua không đồng nhất: Xác định khối lượng trên một đơn vị diện tích; Độ dày toàn phần và độ dày chịu mài mòn; Độ ổn định kích thước sau khi phơi nhiệt; Độ quăn sau khi phơi nhiệt; Độ lõm dư; Độ bền màu ánh sáng nhân tạo; Độ phẳng của miếng/thanh có hệ thống khoá cạnh và tự chịu lực; Khe hở miếng thanh có hệ thống khoá cạnh; Chênh lệch miếng thanh có hệ thống khoá cạnh.	TCVN 12069:2017; ISO 24346; ISO 23999^{e}; ISO 23999^{t}; ISO 24343-1 ISO 105-B02:2014; TCVN 12279:2018
26	**VẬT LIỆU SƠN VÀ MÀNG PHẢN QUANG**	
	Sơn và vecni: Xác định độ bền rửa trôi của màng; độ bền chu kỳ nóng lạng của màng; độ mịn; thời gian chảy; hàm lượng chất rắn và chất tạo màng; độ phủ; thời gian khô, độ khô; độ bám dính của màng; độ cứng của màng sơn khô; độ bền uốn của màng; độ bền và độ va đập màng; độ bóng và độ phản quang của màng; Xác định màu sắc theo phương pháp so sánh trực quan; độ bền ngâm trong nước của màng sơn; độ nhớt Brookfield; hàm lượng chất không bay hơi.	TCVN 8653:2012, TCVN 2091:2015, TCVN 2092:2015, TCVN 2093:2015, TCVN 2095:2015, TCVN 2096:2015, TCVN 2097:2015, TCVN 2098:2015, TCVN 2099:2015, TCVN 2100:2015, TCVN 2101:2015, TCVN 2102:2015 TCVN 10519:2014, ASTM D2486, D4214, D2196
	Thí nghiệm xác định chiều dày màng sơn - Phương pháp không phá hủy	TCVN 9406:2012
	Sơn tường, sơn nhũ tương: Xác định: Trạng thái sơn trong thùng chứa; Đặc tính thi công; Đặc tính sử dụng; Độ bền nước của màng sơn; Độ bền kiềm; Độ bền rửa trôi của màng sơn; Độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8652:2012; TCVN 8653:2012
	Sơn epoxy: Xác định tính ổn định; Tính đồng nhất; Độ mịn; Thời gian khô; Khả năng thi	TCVN 9014:2011; TCVN 9012:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
	công sơn; Bề ngoài màng sơn; Thời gian sống; Độ bền va đập; Khả năng chịu kiềm; Khả năng chịu xăng; Khả năng chịu nước muối; Hàm lượng chất không bay hơi trong sơn; Xác định định tính nhựa epoxy; Độ bền thời tiết	
	Sơn tín hiệu giao thông hệ dung môi: Xác định Màu sắc; Độ ổn định; Độ loang màu; Độ mịn; Độ nhớt; Độ phát sáng; Độ bền rửa trôi; Độ bền va đập; Đội chịu dầu; Độ chịu muối; Độ chịu kiềm; Độ chịu nước; Độ mài mòn; Độ chống trượt; hệ số phản quang;	TCVN 8786:2011; TCVN 8787:2011
	Sơn nhiệt dẻo: Xác định hàm lượng bột màu; Hàm lượng dioxit titan; Màu sắc	ASTM D3723, D1394, D6628
	Sơn nhiệt dẻo: Xác định chất tạo màng; Hạt thủy tinh; Canxicacbonat và chất độn trơ; Thời gian khô; Độ phát sáng; Độ bền nhiệt; Nhiệt độ hóa mềm; Độ mài mòn; Độ kháng cháy; Khối lượng riêng; Cường độ bám dính; Chiều dày vạch sơn; Chiều rộng vạch sơn; Đô chống trượt	TCVN 8791:2011
	Màng phản quang: Xác định hệ số phản quang; Độ bền thời tiết; Màu sác ban ngày, ban đêm; Độ bền màu; Đo ngót; Độ bền uốn; Khả năng tách lớp lót; Độ bám dính; Độ bền va đập	TCVN 7887:2018
27	**LỚP MẠ - LỚP SƠN**	
	Chiều dày lớp mạ kim loại - lớp sơn	TCVN 4392:1986
	Kiểm tra hình dáng bên ngoài; Độ xốp lớp mạ; Độ kín lớp nhôm oxit; Độ bền ăn mòn của mạ kim loại; Độ cứng lớp mạ	ASTM A123
	Chiều dày lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt gang và thép	TCVN 5408:2007
28	**PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC XÂY DỰNG**	
	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng Cl-; Ca^{2+}	TCVN 6194:1996
	Xác định hàm lượng SO_4^{2-}	TCVN 6200:1996
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988; TCVN 6186:1996
	Xác định tổng lượng muối hòa tan (TSD), tổng lượng cặn không tan (SS); Xác định ván dầu mỡ, màu nước	TCVN 4560:2012
29	**THAN**	
	Xác định hàm lượng ẩm của than	TCVN 172:2019
	Hàm lượng tro của than	TCVN 173:2011
30	**PHỤ GIA KHOÁNG CHO BÊ TÔNG**	
	Xác định độ mịn của phụ gia; Xác định khối lượng riêng của phụ gia; Xác định chỉ số hoạt tính của phụ gia; Kiểm tra khả năng chống ăn mòn sunfat thông qua thí nghiệm độ giãn nỡ của vữa, bê tông sử dụng phụ gia; Hàm lượng tro; Hàm lượng SiO_2	TCVN 8262:2009, TCVN 141:2008; TCVN 8825:2011; TCVN 8826:2011, TCVN 8827:2011; TCVN 6882:2001; TCVN 7131:2002, EN 14277-4; ASTM C1017

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT (*)
31	**XỈ NGHIỀN LÒ CAO**	
	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ; Độ ẩm; Tỷ lệ lưu động; hệ số kiềm tính; Khối lượng riêng.	BS EN 15167
32	**THỬ NGHIỆM SỢI THUỶ TINH, VẢI THUỶ TINH**	
	Sợi thuỷ tinh: Xác định độ ẩm; Xác định khối lượng dày; Xác định hàm lượng chất kết dính; Xác định đường kính trung bình; Xác định độ xe của sợi; Xác định độ kép đứt, độ giãn đứt	TCVN 7739:2007
	Vải thuỷ tinh: Xác định số sợi dọc và sợi ngang trên 1 đơn vị chiều dài; Xác định chiều dày; Xác định chiều rộng, chiều dài; Xác định khối lượng diện tích; Xác định lực kéo đứt; Xác định khuyết tật ngoại quan	TCVN 8059:2009

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.